

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026  
Số: 504/2026/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 475/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số G Đường số C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trương Hoàng Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số G Đường số C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Trương Hoàng Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 Quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 06/7/2015 cho bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Trương Hoàng Đ không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Kim T1 (sinh ngày 27/11/2015) và Nguyễn Hoàng Trọng P (sinh ngày 04/6/2024) cho bà Trần Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Nguyễn Trương Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Vào ngày 30 dương lịch hàng tháng (tháng nào không có ngày 30 thì là ngày cuối cùng của tháng đó) ông Nguyễn Trương Hoàng Đ có trách nhiệm chuyển số tiền cấp dưỡng nuôi con trên vào tài khoản số 060285322203 của bà Trần Ngọc T tại Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày bà Trần Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Trương Hoàng Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T, ông Đ xác định không có.

- Về nợ chung: Bà T, ông Đ xác định không có.

- Án phí sơ thẩm: Bà Trần Ngọc T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng tổng cộng là 300.000 đồng được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014908 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hồ Chí Minh
- VKSND KV2 - TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- UBND P Cát Lái, TP Hồ Chí Minh.

- Các đương sự;

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hợi**

- Lưu hồ sơ vụ án.